

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
TP. HỒ CHÍ MINH
Số: 2727/QĐ-ĐHNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xét công nhận, chuyển đổi kết quả học tập cho sinh viên thuộc hệ đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh Khóa 02, Đợt 1 Năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 2590/QĐ-ĐHNH ngày 13/08/2024 về việc phê duyệt Đề án đào tạo từ xa trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-ĐHNH ngày 28/02/2024 về việc ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-ĐHNH ngày 24/03/2023 về việc ban hành quy định công nhận, chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học, đại học hình thức đào tạo từ xa của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 2845/QĐ-ĐHNH ngày 30/08/2024 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đào tạo từ xa trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 4198/QĐ-ĐHNH ngày 17/12/2024 về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển nhập học chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh Khóa 1 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 2665 /QĐ-ĐHNH ngày 14/07/2025 về việc Thành lập Hội đồng xét công nhận, chuyển đổi kết quả học tập thuộc hệ đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh Khóa 2 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM;

Căn cứ Biên bản họp ngày 16/07/2025 của Hội đồng xét công nhận, chuyển đổi kết quả học tập thuộc hệ đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh Khóa 2, Đợt 1 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 59 sinh viên thuộc hệ đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh Khóa 2, Đợt 1 Năm 2025 được công nhận, chuyển đổi kết quả học tập.

(Danh sách đính kèm).



Điều 2. Các học phần được ghi nhận chuyển đổi kết quả được miễn học và được ghi nhận điểm miễn “M” trên hệ thống. Điểm “M” không tính vào điểm trung bình toàn khóa.

Đối với sinh viên đang theo học các loại hình đào tạo khác tại trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh: căn cứ trên bảng điểm của HUB, các học phần được ghi nhận chuyển đổi kết quả được miễn học và được ghi nhận điểm cụ thể và tính vào điểm trung bình toàn khóa.

Điều 3. Chánh văn phòng, Giám đốc Trung tâm Đào tạo từ xa và Tư vấn chuyển giao công nghệ, Trưởng phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, Trưởng Phòng Quản lý Công nghệ thông tin, Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *✓*

Nơi nhận:

- Như Điều 3: (Để thực hiện);
- Phòng TS&TT: (Đăng tin trên website);
- Lưu: VP, DTC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đức Trung





KẾT QUẢ CÔNG NHẬN, CHUYÊN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP NGÀNH NGÔN NGỮ ANH- KHÓA 2 ĐỢT 1 NĂM 2025

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã học phần	Khả năng thực hiện các kỹ năng											Khả năng thực hiện các kỹ năng						Ghi chú		
						Được miễn theo chương trình của Bộ GD&ĐT VN (11 TC)											Được miễn theo chương trình (28 TC)								
						Xét theo bảng điểm											Được miễn theo chương trình (28 TC)								
						Trình độ Ngoại ngữ	Khả năng tư duy logic	Khả năng giải quyết vấn đề	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Pháp luật đại cương	Tâm lý học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tổng Anh 1 - Nghe-Nói 1	Tổng Anh 1 - Đọc 1	Tổng Anh 1 - Viết 1	Tổng Anh 2 - Nghe-Nói 2	Tổng Anh 2 - Đọc 2	Tổng Anh 2 - Viết 2						
						MLM006.TX	MLM007.TX	MLM008.TX	MLM009.TX	MLM010.TX	LAW249.TX	SOC303.TX	SOC301.TX	ENP706.TX	ENS043.TX	ENS004.TX	ENP707.TX	ENS007.TX	ENS008.TX						
						3	2	2	2	2	2	2	2	4	3	3	4	3	3						
						Tổng số môn	Tổng số tín chỉ																		
1	040402250001	Phạm Minh Bảo	Ấn	15/08/2002	11	31	M	M	M	M	M	-	-	-	M	M	M	M	M	M					
2	040402250002	Đoàn Thị Bình	Bình	11/12/1980	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
3	040402250004	Phan Thị Quỳnh	Quỳnh	06/12/1989	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
4	040402250005	Nguyễn Thanh	Thanh	03/11/1999	13	35	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
5	040402250006	Lâm Tuấn	Tuấn	23/01/2000	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
6	040402250008	Trần Thị Xuân	Xuân	14/05/1997	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
7	040402250009	Phan Hiền	Hiền	06/06/1985	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
8	040402250010	Nguyễn Hoàng	Hoàng	12/11/2000	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
9	040402250011	Nguyễn Huyền Ngọc	Ngọc	20/11/1995	13	35	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
10	040402250012	Võ Thị Thủy	Thủy	28/08/1995	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
11	040402250013	Lê Kim	Kim	12/08/1998	11	31	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
12	040402250015	Trần Thị Hiền	Hiền	07/02/1992	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
13	040402250016	Nguyễn Thanh	Thanh	24/11/1983	13	35	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
14	040402250017	Đinh	Đinh	30/07/1983	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
15	040402250019	Nguyễn Thị Mai	Huyền	03/11/1985	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
16	040402250020	Nguyễn Thị Kim	Lan	03/04/1985	12	31	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
17	040402250021	Trần Thị Thủy	Linh	24/01/1994	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
18	040402250022	Lưu Thị Thủy	Linh	21/09/1997	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
19	040402250023	Nguyễn Thị Trúc	Loan	25/04/1998	11	31	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
20	040402250025	Trần Phi	Long	05/10/2000	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
21	040402250026	Nguyễn Chung Xuân	Mai	08/02/2002	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
22	040402250027	Trần Trung	Minh	01/08/1990	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
23	040402250028	Hồ Thị Mỹ	My	02/01/2002	13	35	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
24	040402250029	Nguyễn Thị Bích	Nga	06/02/1978	11	31	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
25	040402250030	Hồ Thị Hoài	Nga	17/01/1997	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
26	040402250031	Nguyễn Thị Chí	Nhân	30/04/1993	13	35	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
27	040402250032	Hoàng Thị Minh	Nhật	09/10/1990	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
28	040402250033	Võ Lê Hoàng	Nhung	05/12/1992	11	31	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
29	040402250034	Nguyễn Thị	Nhung	29/07/1992	11	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
30	040402250035	Nguyễn Thị Minh	Như	14/02/1994	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					
31	040402250036	Nguyễn Thị Mai	Phượng	16/03/2002	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M					



STT	MSSV	Họ và tên	Sinh ngày	KẾT QUẢ CÔNG NHẬN		Kết luận thực tiễn đợt Đại cương									Kết luận thực cơ sở ngành						Ghi chú
						Được miễn theo chương trình của Bộ GD&ĐT VN (11 TC)					Xét theo bảng điểm				Được miễn theo chương trình (20 TC)						
						Tên học phần	Tốt học Mác-Lênin	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Phương pháp đại cương	Tâm lý học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tổng Anh 1 - Nghệ-Nhà 1	Tổng Anh 1 - Dục 1	Tổng Anh 1 - Viết 1	Tổng Anh 2 - Nghệ-Nhà 2	Tổng Anh 2 - Dục 2	Tổng Anh 2 - Viết 2	
							M&M06_TX	M&M07_TX	M&M08_TX	M&M09_TX	M&M09_TX	LAW249_TX	ROC03_TX	ROC01_TX	ENP706_TX	ENS003_TX	ENS004_TX	ENP707_TX	ENS007_TX	ENS008_TX	
							Tổng số môn	Tổng số tín chỉ	3	2	2	2	2	2	2	4	3	3	4	3	
32	040402250037	Trần Minh Phương	20/07/1988	13	35	M	M	M	M	M	M	M	-	M	M	M	M	M	M		
33	040402250038	Vũ Ngọc Hùng	10/11/1974	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M		
34	040402250039	Hồ Thị Tố	18/07/1996	13	35	M	M	M	M	M	M	M	-	M	M	M	M	M	M		
35	040402250040	Đặng Thái Kiên	17/11/1994	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M		
36	040402250041	Đậu Thị Như	28/09/1991	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M		
37	040402250042	Trần Huỳnh Minh Tấn	11/02/1991	11	31	M	M	M	M	M	-	-	-	M	M	M	M	M	M		
38	040402250043	Trương Tuấn	16/06/1985	12	31	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M		
39	040402250044	Trần Anh Tuấn	25/06/1992	11	33	M	M	M	M	M	-	-	-	M	M	M	M	M	M		
40	040402250045	Trương Cao Minh Tuấn	02/03/1985	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M		
41	040402250046	Trần Thị Thanh Tuyền	11/04/2001	13	35	M	M	M	M	M	M	M	-	M	M	M	M	M	M		
42	040402250047	Trương Thị Thanh Tuyền	01/02/1998	13	35	M	M	M	M	M	M	M	-	M	M	M	M	M	M		
43	040402250050	Nguyễn Trung Thành	29/08/1990	13	35	M	M	M	M	M	M	M	-	M	M	M	M	M	M		
44	040402250051	Trần Thị Thanh Thảo	09/01/2003	13	35	M	M	M	M	M	M	-	M	M	M	M	M	M	M		
45	040402250052	Bùi Thị Thảo	08/08/1989	12	33	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M	M		
46	040402250053	Nguyễn Ngọc Thiện	12/03/1990	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M		
47	040402250054	Lê Quang Thắng	13/02/1990	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M		
48	040402250055	Lê Hoàng Mộng Thủy	25/02/1984	13	35	M	M	M	M	M	M	-	M	M	M	M	M	M	M		
49	040402250056	Ngô Thị Minh Thư	14/10/1993	6	20	-	-	-	-	-	-	-	-	M	M	M	M	M	M		
50	040402250057	Nguyễn Huỳnh Hoài Thương	28/09/1999	12	33	M	M	M	M	M	-	M	-	M	M	M	M	M	M		
51	040402250058	Trần Thị Thủy Trung	18/02/1990	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M		
52	040402250059	Lê Thị Hải Trung	05/01/1992	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M		
53	040402250060	Nguyễn Thị Thủy Trung	05/02/1990	13	35	M	M	M	M	M	M	-	M	M	M	M	M	M	M		
54	040402250061	Hải Thị Minh Trung	04/06/1996	13	35	M	M	M	M	M	M	M	-	M	M	M	M	M	M		
55	040402250062	Trần Ngọc Trâm	19/12/1991	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M		
56	040402250063	Nguyễn Thị Bích Trâm	19/04/1994	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M		
57	040402250064	Bùi Thị Bảo Trâm	04/05/1985	12	33	M	M	M	M	M	-	M	-	M	M	M	M	M	M		
58	040402250065	Nguyễn Văn Trung	04/09/1993	13	33	M	M	M	M	M	M	M	-	M	M	M	M	M	M		
59	040402250067	Nguyễn Thị Thu Vi	02/04/1992	12	33	M	M	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	M		
Tổng						59	59	59	59	59	44	16	6	59	59	59	59	59	59		

(Danh sách gồm có 59 sinh viên)

Chú thích:

Môn được xét: Được đánh chữ M

Môn không xét: Đánh -

Trường hợp: Bảng điểm có 2 môn Cơ sở VIVN và Tâm lý học sẽ được chọn xét 1 môn. Lý do là môn lựa chọn 1 trong 2

